

Số: /QĐ-HĐ

Kiến Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của
Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh**

HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 1346/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 20/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 14/2025/TT-BYT ngày 13/6/2025 của Bộ Y tế Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã về việc thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, các thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT ĐU, TT HĐND xã(b/c);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**CHỦ TỊCH UBND XÃ
Phạm Tiến Thuật**

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, trách nhiệm, chế độ làm việc, thông tin báo cáo, mối quan hệ công tác và một số hoạt động khác của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kiến Minh (gọi tắt là Hội đồng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thường trực Hội đồng, các thành viên Hội đồng.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác mức độ khuyết tật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp của Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba số thành viên của Hội đồng tham dự. Kết luận của Hội đồng được thông qua bằng cách biểu quyết theo đa số, trường hợp số phiếu ngang nhau thì được Quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng. Kết luận của Hội đồng được thể hiện bằng văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký.
- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật quyết định độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong việc xác định mức độ khuyết tật.
- Hội đồng giải quyết công việc tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; dân chủ, công khai, minh bạch và hiệu quả trong hoạt động thẩm định phương án giá đất cụ thể; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan. Chịu sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan thường trực của Hội đồng

Phòng Văn hóa - Xã Hội là cơ quan thường trực Hội đồng, có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện hoạt động của Hội đồng.

Điều 5. Nhiệm vụ Hội đồng

- Tổ chức xác định dạng tật và mức độ khuyết tật; xác định lại mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật khi có sự kiện làm thay đổi mức độ khuyết

tật theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Lập biên bản, hồ sơ xác định mức độ khuyết tật và trình Chủ tịch UBND xã xem xét, ban hành Giấy xác nhận khuyết tật;

3. Đảm bảo việc xác định diễn ra công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

Điều 6. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

1. Trách nhiệm chung

- Làm việc theo Quy chế hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Hội đồng về các nhiệm vụ được phân công;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng, nếu vắng mặt phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp;

- Nghiên cứu, đóng góp ý kiến tại phiên họp, trường hợp vắng mặt đóng góp bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

- Chịu trách nhiệm cá nhân đối với các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công; chịu trách nhiệm chung về kết quả xác định của Hội đồng;

2. Trách nhiệm cụ thể:

2.1. Chủ tịch Hội đồng:

- Chỉ đạo, điều hành chung mọi hoạt động của Hội đồng; phân công, giao nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng; Triệu tập, chủ trì các phiên họp của Hội đồng; xem xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, vướng mắc về kết quả xác định mức độ khuyết tật (nếu có);

- Xử lý các đề xuất kiến nghị của các thành viên Hội đồng;

- Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký các văn bản của Hội đồng;

- Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì điều hành phiên họp của Hội đồng khi vắng mặt;

2.2. Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng ký các văn bản của Hội đồng khi được ủy quyền;

- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng chủ trì điều hành phiên họp Hội đồng khi được ủy quyền; giải quyết các vấn đề khác liên quan đến Hội đồng;

- Thay mặt Hội đồng báo cáo UBND xã về các nội dung cụ thể mà Hội đồng đã xác định khi Ủy ban nhân dân xã yêu cầu.

2.3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và kiểm tra người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật hoàn thiện hồ sơ xác định mức độ khuyết tật;

Tham khảo ý kiến của cơ sở giáo dục về thông tin của người được xác định mức độ khuyết tật nếu người đó đang đi học, bao gồm những khó khăn

trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật; mời đại diện cơ sở giáo dục trên địa bàn cấp xã (nơi đối tượng học tập) dự họp xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng (nếu cần thiết);

- Điền Phiếu xác định mức độ khuyết tật theo mẫu quy định trên cơ sở kết luận của Hội đồng;

- Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng;

- Xây dựng các văn bản, hoàn chỉnh, lưu giữ hồ sơ, văn bản của Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

b) Trạm trưởng trạm y tế cấp xã có trách nhiệm:

- Cung cấp thông tin về chuyên môn y tế liên quan đến người khuyết tật cho Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

c) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia xác định mức độ khuyết tật; tham dự các cuộc họp của Hội đồng và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 7. Kinh phí hoạt động.

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật do ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua cơ quan Thường trực Hội đồng và sử dụng để chi các nội dung liên quan đến xác định mức độ khuyết tật;

2. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm quản lý, sử dụng, hạch toán và quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 8. Con dấu hoạt động của Hội đồng.

Con dấu của Hội đồng được sử dụng con dấu của UBND xã. Các thành viên Hội đồng được sử dụng con dấu của đơn vị mình khi giải quyết công việc.

Hội đồng có cùng nhiệm kỳ với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

CĂN CỨ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT

Điều 9. Căn cứ, phương pháp xác định mức độ khuyết tật

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 1346/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 14/2025/TT-BYT ngày 13/6/2025 của Bộ Y tế Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội;

2. Phương pháp xác định mức độ khuyết tật

2.1 Phương pháp xác định mức độ khuyết tật thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Luật Người Khuyết tật. Hội đồng quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội quy định tại Phiếu xác định mức độ khuyết tật và các phương pháp đơn giản khác để xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật đối với từng người khuyết tật.

2.2 Xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi

Hội đồng căn cứ hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, sử dụng phương pháp xác định mức độ khuyết tật quy định; phỏng vấn người đại diện hợp pháp của trẻ em và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi” theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH để xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

2.3 Xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên.

Hội đồng căn cứ hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, sử dụng phương pháp xác định mức độ khuyết tật quy định, phỏng vấn người được xác định mức độ khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên” theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH để xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

3. Trình tự thủ tục xác định mức độ khuyết tật

3.1 Hồ sơ đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật

- Đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật, Giấy xác nhận khuyết tật cũ và các giấy tờ có liên quan khác.

- Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày Nghị định số 28/2012/NĐ-CP có hiệu lực hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

3.2 Thủ tục và trình tự thực hiện xác định, xác định lại mức độ khuyết tật

a) Khi có nhu cầu xác định, xác định lại mức độ khuyết tật thì người đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật làm hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người đề nghị, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm:

- Gửi văn bản tham khảo ý kiến cơ sở giáo dục về tình trạng khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật của người được xác định mức độ khuyết tật đang đi học theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH;

- Triệu tập các thành viên, gửi thông báo về thời gian và địa điểm xác định mức độ khuyết tật cho người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

- Tổ chức đánh giá dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật theo phương pháp quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH; lập hồ sơ, biên bản kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động trước ngày Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực, Hội đồng căn cứ kết luận của Hội đồng giám định y khoa để xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP;

- Biên bản họp Hội đồng ghi theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

c) Việc thực hiện xác định mức độ khuyết tật được tiến hành tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trạm y tế. Trường hợp người khuyết tật không thể đến được địa điểm quy định trên thì Hội đồng tiến hành quan sát và phỏng vấn người khuyết tật tại nơi cư trú của người khuyết tật.

d) Trường hợp Hội đồng không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật; người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng hoặc có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng không khách quan, chính xác thì Hội đồng chuyển hồ sơ lên Hội đồng Giám định y khoa theo quy định của pháp luật.

3.3 Thủ tục và trình tự cấp Giấy xác nhận khuyết tật

a) Đối với trường hợp do Hội đồng thực hiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản kết luận của Hội đồng về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết luận

của Hội đồng tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc không đồng ý với kết luận của Hội đồng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, Hội đồng tiến hành xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo.

b) Đối với trường hợp do Hội đồng giám định y khoa xác định, kết luận về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết luận của Hội đồng Giám định y khoa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận khuyết tật.

3.4 Giấy xác nhận khuyết tật

a) Giấy xác nhận khuyết tật bảo đảm đầy đủ các nội dung cơ bản quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Người khuyết tật.

b) Giấy xác nhận khuyết tật hình chữ nhật, khổ 66 mm x 98 mm, nền màu xanh nhạt, sử dụng kiểu chữ Times New Roman (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001) theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

3.5 Cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy xác nhận khuyết tật

a) Những trường hợp sau đây phải làm thủ tục cấp đổi Giấy xác nhận khuyết tật:

- Giấy xác nhận khuyết tật sai thông tin so với Chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý khác;
- Giấy xác nhận khuyết tật hư hỏng không sử dụng được.

b) Những trường hợp sau đây phải làm thủ tục cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật:

- Thay đổi dạng khuyết tật hoặc mức độ khuyết tật;
- Mất Giấy xác nhận khuyết tật;
- Người khuyết tật từ đủ 6 tuổi trở lên trừ trường hợp người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.5, 1.6, 1.7 Mục IV Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

c) Đối với trường hợp đã được cấp Giấy xác nhận khuyết tật nhưng cơ quan có thẩm quyền kết luận không đúng dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật thì phải thu hồi Giấy xác nhận khuyết tật.

3.6 Thủ tục và trình tự cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy xác nhận khuyết tật

a) Khi có nhu cầu đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật thì người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật làm đơn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người khuyết tật cư trú.

Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật đồng thời thu hồi lại Giấy xác nhận khuyết tật cũ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hồ sơ đang lưu giữ quyết định cấp đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc cấp Giấy xác nhận khuyết tật không đúng về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo, lưu trữ hồ sơ.

1. Định kỳ cuối quý và kết thúc năm, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

2. Hồ sơ xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng được lưu trữ tại cơ quan thường trực Hội đồng là Phòng Văn hóa - Xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được các thành viên Hội đồng thống nhất thông qua, Chủ tịch Hội đồng trình Ủy ban nhân dân xã quyết định.

2. Cán bộ, công chức tham gia Hội đồng không thực hiện trách nhiệm được giao hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các quy định của Nhà nước gây thiệt hại cho Nhà nước hoặc các bên có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực Hội đồng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết./.